



Dữ liệu thị trường ngày 13/10/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	1.719,42	264,25
Thay đổi (điểm)	-1,56	-0,44
Thay đổi (%)	-0,09	-0,17
KLGD (triệu cp)	561	46
GTGD (tỷ đồng)	13.162	683
NDT nước ngoài giao dịch ròng		
HOSE	-433,38	(tỷ đồng)
HNX	-24,05	(tỷ đồng)
UPCOM	-10,20	(tỷ đồng)

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

VIC, VHM, HDB, TCB,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

BID, VCB, MSN, LPB,...

VNINDEX GIẰNG CO QUANH VÙNG HỖ TRỢ 1.700 - 1.720 ĐIỂM

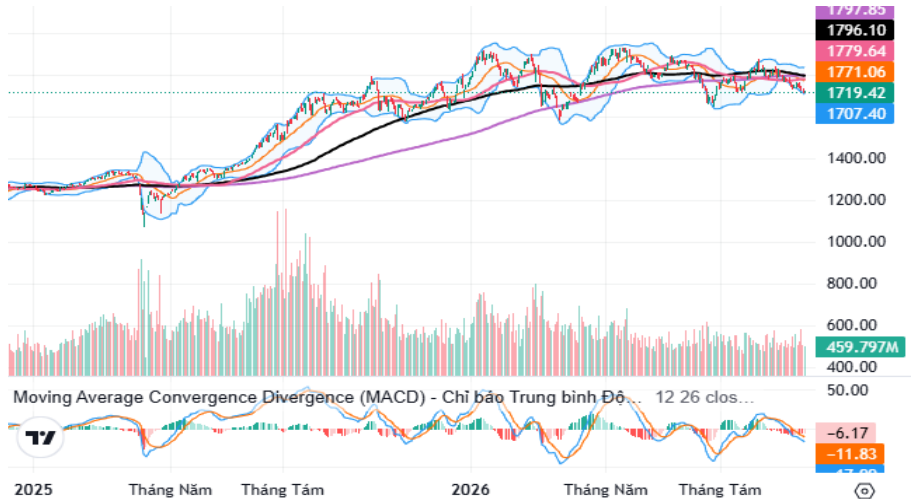
Chuyển động thị trường và dự báo:

Phiên giao dịch ngày 13/10, VN-Index biến động trong biên độ hẹp, giảm nhẹ 1,56 điểm (-0,09%) và đóng cửa ở mức 1.719,42 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phe bán với 417 mã giảm so với 225 mã tăng. Điểm tựa quan trọng giúp thị trường giữ nền giá đến từ sự phục hồi của nhóm Bất động sản (+0,92%) nhờ đà tăng của hai mã trụ VIC (+1,37%). Tài chính vận động cùng xu hướng của thị trường chung khi hiệu suất ngành giảm -0,5% do sự chi phối từ sức ép chốt lời ở nhóm Ngân hàng thương mại nhà nước (VCB -0,71%, BID -1,48%, CTG -0,68%) mặc cho sự khởi sắc xuất hiện ở nhóm Ngân hàng thương mại cổ phần (HDB +2,21%, TCB +1,07%). Nguyên vật liệu quay đầu điều chỉnh giảm -1,92%, là ngành chịu sự rút vốn rõ nét nhất với lực bán xả hàng ở mã đầu ngành HPG (-1,21%), GVR (-0,15%), MSR (-6,81%), KSV (-7,29%). Công nghệ thông tin (-1,29%) tiếp tục chuỗi điều chỉnh do cổ phiếu trụ FPT (-1,4%) liên tục hạ nhiệt. Công nghiệp ghi nhận mức giảm -1,11% trước ảnh hưởng tiêu cực tương đối mạnh của nhóm Vận tải (ACV -2,16%, MVN -7,22%, VJC -0,62%) dù hiệu suất nhóm Hàng hóa công nghiệp khá tích cực (THD tiếp tục tăng trần 10%, GEE +0,72%). Dòng tiền cũng rút bớt khỏi ngành Năng lượng (-1,01%) với sắc đỏ bao phủ BSR (-0,98%), PLX (-0,83%), PVS (-1,49%).

Thanh khoản toàn thị trường đạt 13.162 tỷ đồng, tăng 1,42% so với hôm qua, phản ánh lực bán chủ động đã chững lại, tuy nhiên lực cầu mua đuổi giá cao vẫn tương đối cân trọng. Dòng tiền tiếp tục phân hóa mạnh, tập trung cục bộ ở nhóm trụ và Ngân hàng cổ phần. Khối ngoại tiếp tục bán ròng với tổng giá trị là 467,62 tỷ đồng, tập trung bán ra mạnh các mã FPT (107 tỷ đồng), GMD (44 tỷ đồng), MSB (42 tỷ đồng). Trái lại, các mã được mua vào mạnh nhất là HDB (44 tỷ đồng), PNJ (33 tỷ đồng), VHM (20 tỷ đồng).

Nhà đầu tư nên tiếp tục duy trì tỷ trọng danh mục cân bằng, tập trung quản trị rủi ro ở các mã vi phạm ngưỡng cắt lỗ ngắn hạn và theo dõi phản ứng của dòng tiền tại nhóm Ngân hàng, Bất động sản quanh vùng hỗ trợ 1.700-1.750 điểm, đồng thời tái cơ cấu danh mục sang các doanh nghiệp đầu ngành có nền tảng cơ bản vững chắc.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, CTG, DHC, DGW, VPB, GMD, MBB, DXP.



Danh sách khuyến nghị tháng 10.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	82.000	70.000
CTG	32.500	28.000
DHC	42.000	36.700
DGW	52.500	44.500
VPB	25.500	21.800
GMD	85.000	74.000
MBB	21.000	18.000
DXP	16.000	13.800

Danh sách công bố ngày 05/10/2026, VikkibankS.vn



VikkiBankS
(028) 7100 0001
vikkibanks.vn
cskh@vikkibanks.vn

Hotline
1900 2273

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
CTD	25/09/2026	~58.500	~62.000-68.000	<51.000	62.100	13/10/2026	+5,64%	Chốt lời
FRI	30/09/2026	~144.000	~157.000-172.000	<130.000			-0,14%	Nắm giữ

Lưu ý: Trạng thái và Giá bán (nếu có) sẽ được cập nhật hàng ngày tại Bản tin thị trường hàng ngày.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- Mảng ĐMX, Doanh thu T8 tăng 29% YoY, tốc độ tăng cải thiện (T7: +17% YoY; T6: +20% YoY), doanh thu/cửa hàng tăng 30% YoY, với các mảng điện thoại và laptop tích cực, lũy kế 8T.2026 tăng 29% YoY. Mảng BHX, Doanh thu T8 tăng 11% MoM và tăng 55% YoY, lũy kế 8T2026 tăng 32% YoY, mở rộng 1.053 cửa hàng trong 8T26 và đạt 3.612 cửa hàng.	05/10/2026	74.400	82.000	70.000	10,2%
CTG	- Tăng trưởng tín dụng cuối T7 đạt 5,6% YTD, Q3 kỳ vọng 7%. CTG tăng trưởng tín dụng chọn lọc, tập trung cho sản xuất, kinh doanh, cùng với hiệu quả kiểm soát chi phí, NIM đã cải thiện quý thứ 4 liên tiếp, định giá rẻ với P/b 1,1 và ROE >20%.	05/10/2026	29.650	32.500	28.000	9,6%
DHC	- KQKD Q3 tích cực, được hỗ trợ bởi giá bình quân tăng 12%, bù đắp giá OCC đầu vào có thể chịu sức ép những tháng cuối năm nhu cầu cao. Tình trạng thiếu hụt nguồn cung trong nước tiếp tục hỗ trợ cho giá giấy bao bì, trong tháng 7, sản xuất trong nước đạt 586,7 nghìn tấn trong khi tiêu dùng 681,5 nghìn tấn.	05/10/2026	38.550	42.000	36.700	8,9%
DGW	- Sơ bộ Q3.2026, doanh thu đạt 10.757 tỷ đồng, tăng 46%, cao nhất lịch sử; doanh thu 9 tháng đạt hơn 26.500 tỷ đồng, tăng 42%. Office Equipment tăng 101%, Mobile Phone tăng 42%, Laptop & Tablet hơn 20%, Consumer Goods 32%, Industrial Supply đạt 330 tỷ đồng, tăng 146%, nhờ bổ sung dầu nhờn Shell.	05/10/2026	47.400	52.500	44.500	10,8%
VPB	- Ngày 24/9 VPB đã chia cổ tức với tỷ lệ 100:26, kỳ vọng cột mốc kế tiếp là hoạt động phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược diễn ra đầu 2027. Tăng trưởng tín dụng được dẫn dắt bởi cho vay chủ đầu tư bất động sản, trong khi huy động được hỗ trợ bởi các khoản huy động từ quốc tế. Môi trường lãi suất cao là yếu tố rủi ro cần theo dõi liên quan chất lượng tài sản.	05/10/2026	23.000	25.500	21.800	10,9%
GMD	- Sản lượng Nam Đình Vũ trong Q2 đạt 342k teus, tăng 4% so với quý trước và giảm 12% so với cùng kỳ, kỳ vọng quý 3 tiếp tục cải thiện với mức tăng 5% so với Q3, trong khi Gemalink tiếp tục hoạt động hiệu quả 600k teus và tăng 4% so với quý 2. Lợi nhuận Q3 khoảng 750 tỷ, tăng 73% so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh so với Q2 do không có khoản lãi bất thường.	05/10/2026	77.800	85.000	74.000	9,3%
MBB	- Tăng trưởng tín dụng Q3 ước tính 20% YTD, mảng bất động sản tiếp tục dẫn dắt. Áp lực huy động gia tăng đáng kể về các tháng cuối năm, có thể khiến NIM thu hẹp.	05/10/2026	19.150	21.000	18.000	9,7%
DXP	- KQKD Q2 với doanh thu tăng 22% QoQ và 31% YoY nhờ vào (1) giá nhựa đường tăng 15-20% QoQ, (2) sản lượng thông qua cảng +13% QoQ, và (3) doanh thu từ vận tải. Bước sang Q3, tất cả các trụ cột của DXP đều duy trì sự tích cực.	05/10/2026	14.500	16.000	13.800	10,3%

***Danh mục T10.2026 so với T09.2026, chúng tôi loại BMP và SSI, trong khi thêm mới DXP và DGW, giữ nguyên MWG, CTG, DHC, MBB, VPB, GMD.** Trong giai đoạn từ 4/9 đến hết phiên 5/10, VNIndex giảm gần 5,4%, khối ngoại cũng bắt đầu bán ròng mạnh hơn về cuối tháng, và chúng tôi cũng cơ cấu lại danh mục trong một tháng có nhiều sự kiện. Chúng tôi loại SSI do nhận thấy thanh khoản thị trường xuống thấp và dự báo tháng 10 còn nhiều biến động. Loại BMP do diễn biến giá cổ phiếu đi ngang khá lâu, giá hạt nhựa PVC quý 3 cao hơn cũng cần thận trọng để theo dõi kết quả Q3, dù bảng cân đối BMP lành mạnh. Thêm mới DGW, đây là cổ phiếu đã từng xuất hiện ở Danh mục tháng 6, kết quả sơ bộ Q3 mạnh mẽ với doanh thu tăng 46% YoY nhờ sự đóng góp của hầu hết các mảng phân phối chính, DGW cũng kỳ vọng quý 4 tiếp tục khả quan nhờ nhu cầu mua sắm cuối năm và xu hướng đầu tư vào AI, trung tâm dữ liệu; ngoài ra, vào đầu tháng 9, Cty TNHH Creatted Future có liên quan đến ông Đoàn Hồng Việt đã hoàn tất mua 2 triệu cp DGW, đây là lần đầu tiên trong 10 năm qua nhóm cổ đông lớn liên quan đến lãnh đạo đăng ký mua với lượng lớn, và khối ngoại mua ròng 309 tỷ trong Tháng 9. Thêm mới DXP, Cty kinh doanh ở 3 mảng đang trên đà tăng tốc, Mảng Nhựa đường với việc giá nhựa đường duy trì mức cao trong Q3 nhờ nhu cầu xây dựng hạ tầng, và chúng tôi nhận thấy trên BCTC Q2 xuất hiện khoản mục Trả trước cho người bán Q2 gần 82 tỷ so với 7 tỷ vào đầu năm mà chúng tôi cho là khoản tiền đặt cọc để mua nhựa đường thô từ Tratimex; Mảng Cảng biển với việc DXP đang nắm thị phần dẫn đầu về cảng hàng rời nội địa và XNK, việc chuyển dần sang hàng rời XNK giúp tăng biên lợi nhuận; Mảng vận tải với đóng góp của 2 tàu 14.000 DWT khai thác vào tháng 10.2025 và 04.2026, kỳ vọng kết quả kinh doanh Q3.2026 gấp 2,2-2,5 lần Q3 cùng kỳ do sản lượng tháng 7 và 8 cảng biển tăng mạnh. Nhóm ngân với các cổ phiếu VPB, MBB và CTG hưởng lợi chung từ việc thay đổi LDR từ 85% lên mức 95%. Đối với CTG sau thời gian dài giảm giá, vùng định giá cho thấy phù hợp với nhà đầu tư dài hạn nhiều hơn, mức định giá và hiệu suất ROE tốt nhất nhóm ngân hàng quốc doanh. Đối với VPB và MBB, room tín dụng cao hơn và việc nhu cầu vốn cho hạ tầng, xây dựng, các chủ đầu tư bất động sản tiếp tục giúp các ngân hàng tăng trưởng cho vay, tuy nhiên cần theo dõi chất lượng tài sản, VPB với cổ đông chiến lược và bán vốn cho nước ngoài là chất xúc tác trong dài hạn, trong khi MBB với hệ sinh thái gần 40 triệu khách hàng trên nền tảng số giúp gia tăng dư địa trong việc bán chéo nhiều sản phẩm trong tương lai. Sau báo cáo của GSO VN về GDP quý 3, với sự tăng trưởng bất phá về Công nghiệp, Xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh với tháng 9 trở lại thịnh du thương mại, và giải ngân đầu tư công T9 tăng 31,5% YoY-cao nhất kể từ đầu năm, chúng tôi lựa chọn danh mục với các cổ phiếu thuộc nhóm cảng biển, bán lẻ, giấy để tận dụng xu hướng này, đồng thời ưu tiên với những cổ phiếu có kết quả kinh doanh quý 3 khả quan và khả năng duy trì tăng trưởng tích cực sang Q4. Như đã đề cập ở [Danh mục tháng 9](#), chúng tôi cho rằng tháng 10 tiếp tục là tháng biến động, khi ở bên ngoài là cuộc bầu cử giữa kỳ của Mỹ vào 03/11, và trong nước là VN bước vào kỳ họp Quốc hội. Thống kê cũng cho thấy Vnindex tháng 10 là một trong các tháng biến động nhất trong năm, nhưng cũng đồng thời mở ra cơ hội cho nhịp tăng mới kéo dài từ cuối năm này sang đầu năm tới. Vì vậy chúng tôi cho rằng cơ cấu danh mục hợp lý, quản trị rủi ro cho các kịch bản biến động, đồng thời tận dụng nhịp giảm sâu là cơ hội.

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

F88: F88 ghi nhận doanh thu 9T/2026 đạt 4.349 tỷ đồng (+54% YoY), lợi nhuận trước thuế 1.087 tỷ đồng (+80% YoY), hoàn thành 96% kế hoạch năm. Riêng Q3, doanh thu đạt 1.591 tỷ đồng (+48% YoY), lợi nhuận trước thuế 401 tỷ đồng (+42% YoY). ROE đạt 35%, CIR giảm còn 43%, chi phí vốn giảm từ 14% xuống 13%. Mảng cho vay đóng góp 3.728 tỷ đồng doanh thu (+52% YoY), dư nợ vay ròng đạt 9.540 tỷ đồng (+49% YoY, +32% so với đầu năm); thu hồi nợ đã xử lý rủi ro đạt 289 tỷ đồng (+9% YoY). Mảng bảo hiểm mang về gần 583 tỷ đồng (+75% YoY). F88 hiện có 1.000 phòng giao dịch; quý III ghi nhận 95.500 khách hàng vay mới, tỷ lệ khách hàng quay lại đạt 68%.

KBC: Kinh Bắc (KBC) ghi nhận doanh thu thuần Q3/2026 đạt 3.187 tỷ đồng (+137% YoY), lợi nhuận sau thuế 937 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ; lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 911 tỷ đồng (+197% YoY), chủ yếu nhờ doanh thu khu công nghiệp tăng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 61% xuống 54% do giá vốn tăng 181%; chi phí tài chính tăng 51%, lên 358 tỷ đồng. Lũy kế 9T/2026, doanh thu đạt 5.112 tỷ đồng (+4% YoY), lợi nhuận sau thuế 1.197 tỷ đồng (-23% YoY), lợi nhuận công ty mẹ 1.142 tỷ đồng (-24% YoY). KBC hoàn thành khoảng 40% kế hoạch lợi nhuận năm 3.000 tỷ đồng.

SHB: SHB thông qua khoản vay hợp vốn 340 triệu USD do SMBC và 6 tổ chức tài chính quốc tế thu xếp, nhằm tài trợ các dự án đáp ứng tiêu chí ESG và hoạt động tín dụng thông thường; quy mô có thể tăng sau 3 năm. Đồng thời, ngân hàng được Sở Giao dịch Chứng khoán Singapore chấp thuận nguyên tắc đăng ký niêm yết trái phiếu quốc tế kỳ hạn 3 và 5 năm, chưa công bố quy mô phát hành. Năm 2025, SHB đã huy động 600 triệu USD qua hai khoản vay hợp vốn ESG. Năm 2026, ngân hàng đặt mục tiêu huy động vốn nước ngoài tối đa 1 tỷ USD.

MSB: MSB được cổ đông thông qua chủ trương thành lập ngân hàng con 100% vốn tại Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam (VIFC), đồng thời mua lại các công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ nhằm hoàn thiện hệ sinh thái, đa dạng hóa nguồn thu ngoài lãi giai đoạn 2027–2030. Mảng chứng khoán hướng tới cung cấp dịch vụ tư vấn huy động vốn, phát hành, niêm yết, tái cấu trúc và M&A; mảng bảo hiểm giúp MSB tham gia trực tiếp thay vì chỉ phân phối sản phẩm. Ngân hàng cũng thông qua phương án phát hành 936 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 25%, dự kiến huy động tối đa 9.360 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ lên 46.800 tỷ đồng. Nguồn vốn dành 6.500 tỷ đồng cho vay, 600 tỷ đồng phát triển công nghệ và 2.260 tỷ đồng đầu tư, góp vốn, mua cổ phần.

HHV: Kết quả sơ bộ, HHV ghi nhận doanh thu 9 tháng đạt 2.978 tỷ đồng (tăng 15%) và lợi nhuận sau thuế đạt 564 tỷ đồng (tăng 18%, hoàn thành 74% kế hoạch năm). Hai mảng chính đóng góp lớn nhất là thu phí BOT (chiếm 62%) và thi công xây lắp (chiếm 30%). HHV đặt mục tiêu cả năm 2026 đạt doanh thu 4.468 tỷ đồng và lãi sau thuế 766 tỷ đồng. Doanh nghiệp đang chờ giải ngân 6.860 tỷ đồng vốn ngân sách hỗ trợ 2 dự án BOT để giảm nợ vay. HHV hiện là nhà đầu tư đề xuất 9 dự án PPP tổng vốn hơn 230 ngàn tỷ đồng, tiêu biểu là cao tốc Đà Nẵng – Chu Lai. Ngoài ra, HHV chủ động kiểm soát giá vật liệu và chuẩn bị nguồn lực tham gia dự án đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam.

TNG: Nhóm quỹ Dragon Capital đã không còn là cổ đông lớn tại TNG sau khi hai quỹ thành viên (Gates Foundation Trust và Norges Bank) bán ra tổng cộng 200.000 cổ phiếu trong phiên 2/10. Giao dịch này làm giảm tổng lượng cổ phiếu nhóm nắm giữ từ gần 6,5 triệu xuống còn gần 6,3 triệu đơn vị, tương ứng tỷ lệ sở hữu hạ từ 5,05% xuống 4,79% vốn điều lệ TNG.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 – 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 04+05+06.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 – 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 (*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 – 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 – 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 07+08+09.2026

[Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026](#) (*) MWG, CTG, MBB cổ tức tiền mặt lần lượt 1.000đ/cp, 450đ/cp, 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã loại 5% thuế; PVD cổ tức cổ phiếu 100:66,9.

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dùng lỗ đề xuất
MWG*	08/07/2026	78.800	10/08/2026	73.000	-6,15%	61.540-77.700	-4,82%
CTG*	08/07/2026	34.500	10/08/2026	32.800	-3,69%	28.400-34.000	-4,35%
PHR	08/07/2026	63.800	10/08/2026	59.800	-6,27%	54.400-65.000	-5,17%
SSI	08/07/2026	27.200	10/08/2026	25.100	-7,72%	21.700-27.250	-4,41%
VPB	08/07/2026	27.750	10/08/2026	25.850	-6,85%	23.950-27.700	-4,50%
GMD	08/07/2026	77.400	10/08/2026	78.200	1,03%	67.000-82.000	-4,01%
MBB*	08/07/2026	26.000	10/08/2026	24.250	-3,08%	21.350-25.000	-3,08%
PVD*	08/07/2026	32.550	10/08/2026	18.250	-6,42%	17.350-20.700	-4,76%
VNINDEX	08/07/2026	1.853,7	10/08/2026	1.776,8	-4,15%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-4,89%		-4,39%

[Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026](#) (*) SSI và MBB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh

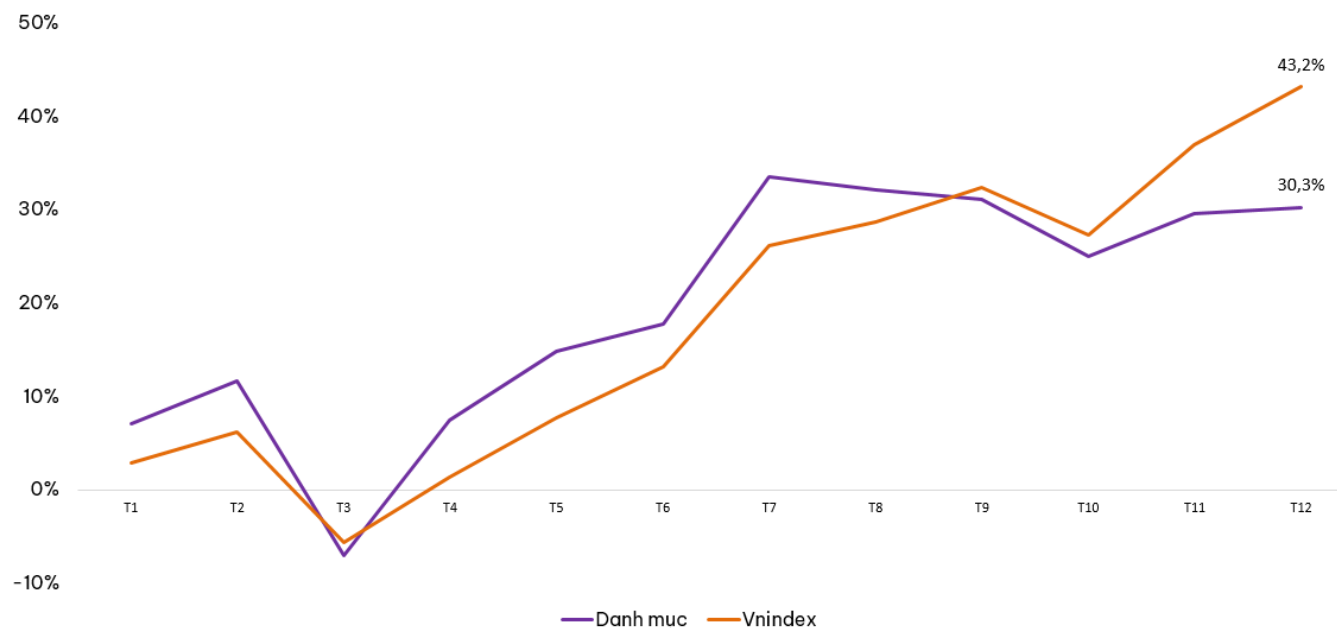
Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	10/08/2026	73.000	04/09/2026	73.100	0,14%	71.200-75.900
CTG	10/08/2026	32.800	04/09/2026	31.400	-4,27%	30.900-32.800
POW	10/08/2026	13.850	04/09/2026	12.850	-7,22%	12.800-13.900
SSI*	10/08/2026	25.100	04/09/2026	21.050	4,42%	19.400-21.750
VPB	10/08/2026	25.850	04/09/2026	27.800	7,54%	24.500-27.900
GMD	10/08/2026	78.200	04/09/2026	77.400	-1,02%	76.400-81.300
MBB*	10/08/2026	24.250	04/09/2026	20.550	1,73%	19.850-21.200
BMP	10/08/2026	148.800	04/09/2026	143.000	-3,90%	142.800-150.900
VNINDEX	10/08/2026	1.776,8	04/09/2026	1.853,1	4,29%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 10/08 - 04/09					-0,32%	

[Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026](#) (*) DHC và VPB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	04/09/2026	73.100	05/10/2026	74.400	1,78%	68.600-74.400
CTG	04/09/2026	31.400	05/10/2026	29.650	-5,57%	29.600-31.700
DHC	04/09/2026	35.700	05/10/2026	38.550	10,64%	34.250-39.000
SSI	04/09/2026	21.050	05/10/2026	19.650	-6,65%	19.600-21.650
VPB	04/09/2026	27.800	05/10/2026	23.000	4,24%	21.300-23.600
GMD	04/09/2026	77.400	05/10/2026	77.800	0,52%	73.500-79.200
MBB	04/09/2026	20.550	05/10/2026	19.150	-6,81%	19.100-20.600
BMP	04/09/2026	143.000	05/10/2026	142.500	-0,35%	138.000-147.600
VNINDEX	04/09/2026	1.853,1	05/10/2026	1.753,2	-5,39%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 04/09 - 05/10					-0,28%	

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.